

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 39 /2005/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

***** 32K

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
tỉnh Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Thông tư số 11/2004/TTLT-BNN-BNV ngày 02/4/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND quản lý Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Căn cứ Công văn số 11/BNV-TCCB ngày 04/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư liên tịch số 11/2004/TTLT-BNN-BNV của Liên Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Nội vụ.
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT và Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Ban hành kèm theo Quyết định này “ *bản Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước* ”.

Điều 2 : Bản Quy chế kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế bản Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UB ngày 11/3/1997 của UBND tỉnh.

Điều 3 : Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTVB-Bộ Tư pháp
- CT, PCT.
- Như điều 3
- LĐVP, CV :NC, SX.
- Sở Nội vụ: 8bản
- Lưu .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Cán Hưng

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2005/QĐ-UB ngày 28 / 3 /2005
của UBND tỉnh Bình Phước*

CHƯƠNG I:

VỊ TRÍ - CHỨC NĂNG

Điều 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Sở chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Sở có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Điều 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG II:

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1/ Trình UBND tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình.

2/ Trình UBND tỉnh và chịu trách nhiệm về nội dung quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3/ Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, các chương trình, dự án, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về nông nghiệp, lâm

ng nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4/ Về nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi):

4.1/ Thẩm định và chịu trách nhiệm về phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi; về biện pháp chống thoái hoá đất trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4.2/ Giúp UBND tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, quyết định và chịu trách nhiệm về việc áp dụng giống cây trồng, giống vật nuôi mới, thời vụ. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vật tư nông nghiệp, phân bón, thức ăn chăn nuôi và các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp.

4.3/ Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y, phòng và chống dịch bệnh động, thực vật và khắc phục hậu quả dịch bệnh; chỉ đạo, thực hiện kiểm dịch nội địa về động, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5/ Về lâm nghiệp:

5.1/ Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; phòng và chống dịch bệnh; bảo vệ rừng đầu nguồn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5.2/ Tổ chức việc điều tra, phân loại rừng, thống kê diện tích, cơ cấu trữ lượng của từng loại rừng; lập bản đồ rừng trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.3/ Chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ về thiết kế khai thác rừng tự nhiên để UBND tỉnh phê duyệt, hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp của Chính phủ; trình UBND tỉnh việc cấp phép khai thác rừng tự nhiên sau khi được phê duyệt và kiểm tra việc khai thác rừng theo thiết kế được duyệt.

5.4/ Trình UBND tỉnh quyết định thành lập các khu rừng phòng hộ, các khu rừng đặc dụng và các khu rừng có tầm quan trọng khác thuộc địa phương theo thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

6/ Về thủy lợi:

6.1/ Trình UBND tỉnh phân cấp quản lý các công trình thủy lợi vừa và nhỏ và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi vừa và nhỏ, tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt.

6.2/ Thực hiện các quy định về quản lý lưu vực sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển tổng hợp các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.3/ Chỉ đạo công tác bảo vệ các công trình trong mùa mưa, lũ; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, bão, hạn hán, sạt lở ven sông trên địa bàn tỉnh.

7/ Về Thủy sản:

7.1/ Quản lý bảo vệ, nuôi trồng và phát triển thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch. Quản lý thống nhất về giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

7.2/ Quản lý về thức ăn nuôi trồng thủy sản, thú y thủy sản; các loại vật tư hoá chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm soát ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật, chất thải công nghiệp đến môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.

7.3/ Quản lý các hoạt động khai thác thủy sản; chỉ đạo việc thực hiện khai thác thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch và các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

7.4/ Theo dõi, tổng kết tình hình diễn biến về nguồn lợi thủy sản, tình hình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở địa phương.

8/ Về phát triển nông thôn:

8.1/ Tổng hợp, trình UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn.

8.2/ Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp và doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo phương án được duyệt.

8.3/ Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trên địa bàn tỉnh.

8.4/ Hướng dẫn việc chế biến nông, lâm sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định;

8.5/ Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

9/ Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường nông sản, lâm sản và thủy sản.

10/ Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn, tổ chức công tác thống kê, diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng theo quy định.

11/ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

12/ Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

13/ Thực hiện hợp tác quốc tế theo phân cấp của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

14/ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn của tỉnh theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

15/ Cấp và thu hồi các giấy phép thuộc các lĩnh vực được giao quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

16/ Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

17/ Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão của tỉnh theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, hạn hán, úng ngập, chua phèn, sạt lở, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy lợi, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

18/ Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

19/ Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với cấp huyện, thị xã.

20/ Báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao cho UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

21/ Quản lý công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và UBND tỉnh.

22/ Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

23/ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do UBND tỉnh giao.

CHƯƠNG III:
TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4: Tổ chức bộ máy:

1/ Lãnh đạo Sở:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do 01 Giám đốc Sở điều hành và có từ 01 đến 03 Phó giám đốc giúp việc cho Giám đốc. Các chức vụ Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do UBND tỉnh bổ nhiệm theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định và theo các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý cán bộ.

2/ Cơ cấu tổ chức của Sở, gồm có:

- a. Văn phòng Sở.
- b. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:
 - Phòng Kế hoạch
 - Phòng Nông nghiệp
 - Phòng Thủy sản
- c/ Thanh tra Sở
- d/ Các Chi cục chuyên ngành:
 - Chi cục Thú y
 - Chi cục Bảo vệ thực vật
 - Chi cục Lâm nghiệp
 - Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão
 - Chi cục Phát triển nông thôn
- e/ Tổ chức sự nghiệp:
 - Trung tâm Khuyến nông.
 - Các Ban Quản lý rừng:
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết.
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ Bom Bo.
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Gia Phúc.
 - + Ban Quản lý rừng kinh tế Tân Lập

3/ Văn phòng Sở có 01 Chánh Văn phòng và có 01 Phó Chánh Văn Phòng; mỗi phòng chuyên môn, nghiệp vụ có 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng; Thanh tra Sở có 01 Chánh thanh tra và 01 Phó Chánh Thanh tra. Chức vụ Chánh Văn phòng, Trưởng phòng do UBND tỉnh bổ nhiệm; chức vụ Chánh Thanh tra do Giám đốc bổ nhiệm theo quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý cán bộ và quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, sau khi có thoả thuận bằng văn bản của Chánh Thanh tra tỉnh; chức vụ Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng, Phó Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở bổ nhiệm.

4/ Nhiệm vụ cụ thể của mỗi phòng do Giám đốc Sở quy định.

5/ Các Chi cục chuyên ngành, Trung tâm, các Ban quản lý rừng trực thuộc Sở có Quy chế Tổ chức và hoạt động riêng do UBND tỉnh ban hành.

6/ Biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc biên chế quản lý Nhà nước được UBND tỉnh giao hàng năm.

Điều 5: Chế độ làm việc:

1/ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc theo chế độ thủ trưởng. Giám đốc Sở quyết định mọi vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở được quy định trong bản Quy chế này và là người chịu trách nhiệm cao nhất trước UBND tỉnh; đồng thời chịu trách nhiệm trước Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các lĩnh vực công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Sở và trước pháp luật. Các Phó Giám đốc Sở giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc Sở phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác. Phó Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Giám đốc, đồng thời cùng Giám đốc liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về phần việc được phân công phụ trách.

2/ Các phòng làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi công việc được giao của phòng. Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng phân công phụ trách một số mặt công tác và được ủy quyền điều hành công việc của phòng khi Trưởng phòng đi vắng.

3/ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh giao và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong bản Quy chế này.

4/ Đảm bảo chế độ họp giao ban (lãnh đạo Sở, các Trưởng, Phó phòng, đơn vị trực thuộc) theo định kỳ. Đồng thời tổ chức các cuộc họp bất thường để phổ biến, triển khai các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao.

CHƯƠNG IV:

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6: Sở có mối quan hệ công tác với các ngành, các cấp như sau:

1/ Đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT:

Sở chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn của ngành tại địa phương với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ và yêu cầu đột xuất.

2/ Đối với UBND tỉnh:

Sở chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh. Giám đốc Sở phải thường xuyên báo cáo công tác với UBND tỉnh theo quy định và yêu cầu đột xuất. Trước khi thực hiện chủ trương chính sách của các

Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến chương trình công tác, kế hoạch chung của tỉnh, Giám đốc Sở phải xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

3/ Đối với các Sở, ngành:

Sở xây dựng có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có quyền đề nghị các Sở, ngành báo cáo tình hình và các vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực mà Sở quản lý bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

4/ Đối với UBND các huyện, thị xã:

- Sở thường xuyên quan hệ với UBND các huyện, thị xã trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực ngành quản lý, cùng nhau giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp có những vấn đề chưa nhất trí, các bên xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Sở có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành cho Phòng chuyên môn của huyện, thị xã đối với các lĩnh vực thuộc Sở quản lý, được quyền yêu cầu Phòng chuyên môn báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện, thị xã theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ, kiểm tra về chuyên môn và các mặt công tác thuộc chức năng quản lý của Sở.

CHƯƠNG V:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7 : Bản Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Việc sửa đổi, bổ sung bản Quy chế này do Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT và Giám đốc Sở Nội vụ đề nghị UBND tỉnh xem xét quyết định.

Bản Quy chế này thay thế bản Quy định về tổ chức hoạt động của Sở Nông nghiệp & PTNT được ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UB ngày 11/3/1997 của UBND tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cán Hùng